

PHÂN TÍCH ĐOẠN TRÍCH CẢNH NGÀY XUÂN CỦA NGUYỄN DU

1. Dàn ý phân tích đoạn trích Cảnh ngày xuân của Nguyễn Du

Mở bài:

Giới thiệu khái quát đoạn trích:

- Đoạn trích Chị em Thúy Kiều nằm ngay sau phần giới thiệu chị em Thúy Kiều. Trong đoạn trích này, Nguyễn Du miêu tả cảnh du xuân của mấy chị em nhà họ Vương. Đây là đoạn thể hiện tài năng của Nguyễn Du trong việc miêu tả thiên nhiên.

- Đoạn thơ miêu tả vẻ đẹp của mùa xuân ở thời điểm của tiết Thanh minh. Mùa xuân và cảnh thiên nhiên trong đoạn thơ hiện lên tươi đẹp, trong sáng ở giai đoạn rực rỡ và viên mãn nhất của mùa xuân. Không chỉ miêu tả vẻ đẹp của mùa xuân Nguyễn Du còn làm sống lại những nét văn hoá qua không khí lễ hội mùa xuân. Và như thế ở đây vừa có vẻ đẹp thiên nhiên, vừa có vẻ đẹp con người.

- Trong đoạn thơ này Nguyễn Du đã kết hợp tả và gợi, tả cảnh ngụ tình theo phong cách ước lệ cổ điển với một ngôn ngữ giàu chất tạo hình. Qua bức tranh mùa xuân người đọc còn cảm nhận rất rõ tâm trạng của nhân vật.

Thân bài:

Phân tích:

Cảnh thiên nhiên mùa xuân trong đoạn thơ được Nguyễn Du miêu tả theo bước đi của thời gian:

- 4 câu đầu: Miêu tả cảnh sắc mùa xuân.

- 8 câu thơ tiếp: Miêu tả cảnh lễ hội trong tiết thanh minh.

- 6 câu còn lại: Cảnh chị em Kiều đi chơi xuân về khi lễ hội đã tan.

Cách tổ chức kết cấu này cho phép người đọc nhận ra:

+ Sự vận động của thiên nhiên và sự biến đổi trong tâm trạng của con người.

+ Cảnh xuân trong những câu mở đầu với cảnh xuân sau khi chị em Kiều đi chơi về có những thay đổi rõ rệt.

Từ đó cho ta thấy:

+ Cảnh vật và tâm trạng của nhân vật trong thơ Nguyễn Du bao giờ cũng vận động chứ không đứng yên.

+ Cách miêu tả như Nguyễn Du cũng là theo nguyên tắc của thơ xưa, tả cảnh ngụ tình có nghĩa là ở đoạn thơ này Nguyễn Du đã miêu tả cảnh mùa xuân qua cái nhìn tâm trạng và được nhìn từ tâm trạng của chị em Kiều theo nguyên tắc: “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu - Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.”

Cảnh mùa xuân hiện ra trong 4 câu thơ đầu là cảnh sắc được nhìn và miêu tả từ cái nhìn thời gian và không gian:

a. 2 câu thơ đầu:

- Là cái nhìn thời gian về khung cảnh mùa xuân đó là cái nhìn thấm đẫm tâm trạng của người trong cuộc.



*“Ngày xuân con én đưa thoi
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.”*

- Câu thơ “con én đưa thoi” có thể hiểu theo 2 cách:

+ Những cánh chim én có thực rộn ràng bay lượn giữa bầu trời mùa xuân trong sáng.

+ Cánh én đưa thoi là biểu tượng của bước đi thời gian: thời gian mùa xuân đang trôi qua rất nhanh.

Khung cảnh mùa xuân ở đây đã được nhìn từ cái nhìn tâm trạng của chị em Thúy Kiều đó là cái nhìn tươi trẻ.

- Ở câu thơ thứ hai, từ “đã ngoài” ẩn chứa thái độ để làm rõ hơn cái nhìn của chị em Kiều về bước đi thời gian của mùa xuân và đó là một cái nhìn nuối tiếc.

Ở đây do sự tiết chế về ngôn từ, do tư cách của người chuyện, do quy tắc của việc biểu hiện cái tôi trong văn học trung đại, Nguyễn Du đã không thể để cho nhân vật của

mình kêu lên đầy nuối tiếc, đầy táo bạo và mãnh liệt như xuân Diệu- nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới, sống sau Nguyễn Du một thế kỉ - dù là tâm trạng mới bước đi của mùa xuân là giống nhau ở 2 thi sĩ :

“Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân ”

(Vội vàng)

Nên: *“Nhanh lên chứ, vội vàng lên với chứ*

Em em ơi tình non đã già rồi”

(Giục giã)

b. Hai câu thơ tiếp theo:

là bức tranh xuân được tả cận cảnh với cái nhìn không gian dẫn đến đây là 2 câu thơ “tuyệt bút ” của Nguyễn Du khi miêu tả.

+ Chỉ với 2 câu mà mùa xuân hiện ra như một bức tranh có màu sắc tuyệt diệu, hài hoà. Thảm cỏ xanh làm nền cho bức tranh xuân, trên cái nền ấy điểm một vài bông hoa lê trắng. Màu xanh và sắc trắng tôn vinh lẫn nhau tạo ra một bức tranh xuân sống động, mới mẻ, tinh khiết và tràn đầy sức sống.

+ Chỉ bằng một nét vẽ cảnh mùa xuân dường như được nhuộm trong một màu xanh mềm mại và non tơ dẫn đến cách dùng từ của Nguyễn Du đã khéo léo tài tình tạo nên màu xanh ấy: “Cỏ non xanh tận chân trời ” . Trong câu thơ này từ “non ” vừa bổ nghĩa cho từ cỏ đứng trước lại vừa bổ nghĩa cho từ xanh ở sau dẫn đến gợi nên một màu xanh non tơ và óng ả. Không chỉ thế 3 từ “tận chân trời” lại khiến cho màu xanh ấy kết thành hình khối, mở rộng không gian, đó là một không gian xuân bạt ngàn màu xanh (ngập tràn màu xanh) đúng hơn là một biển cỏ xanh mênh mông, bát ngát và dào dạt sức sống xanh non tơ.

+ Trên cái nền xanh gợi cảm ấy tác giả điểm xuyết sắc trắng của một vài bông hoa trên cành lê “Cành lê trắng điểm một vài bông hoa ” .

Suy ra chọn cỏ và hoa lê để miêu tả sắc xuân đã có từ rất lâu trong thơ ca cổ của Trung Quốc:

“Cỏ thơm liền với trời xanh

Trên cành lê có mấy bông hoa”

Và có thể biết 2 câu thơ tuyệt bút Nguyễn Du đã mượn ý thơ từ 2 câu thơ cổ nói trên. Bằng tài hoa của mình, Nguyễn Du đã thổi vào đó ngọn gió vô hình của tâm tình để tạo ra sự sống riêng biệt cho 2 câu thơ tuyệt bút của mình. Đó là ở câu thơ thứ 2, ông thêm một từ “trắng” , ông lại còn đảo ngược cách dùng từ thông dụng: “điểm trắng” suy ra “trắng điểm” . Chỉ một chút thay đổi đó thôi tưởng là đơn giản vậy mà ngoài Nguyễn Du khó có ai có thể làm được bởi vì nếu viết “điểm trắng ” thì ý thơ và âm điệu của thơ không thay đổi nhưng đó chỉ là cách vẽ tranh của một nghệ nhân bắt chước mà không có hồn . Còn Nguyễn Du viết “trắng điểm” thì lại tạo ra yếu tố bất ngờ nghĩa là “trắng điểm” tức là điểm xuyết vào đó một chút sắc trắng của mình để chăm chút tô điểm cho sắc xuân bằng bàn tay vô hình của tạo hoá một cách ý nhị và tinh tế. Chính vì thế thêm một chút, thay đổi một chút vậy mà hương của cành lê tưởng chừng như không còn là chính nó. Cách dùng từ khác biệt đã giúp Nguyễn Du tạo ra hai thế giới khác biệt và như thế Nguyễn Du đã tô đậm hợp cảnh mùa xuân sinh động, gợi cảm, non tơ, mềm mại và hài hoà màu sắc.

c. 8 câu thơ tiếp nối là khung cảnh lễ hội:

- Lễ tảo mộ: đi sửa sang, quét dọn mộ người thân.

- Hội đạp thanh: hội chơi mùa xuân ở làng quê.

Suy ra ở 8 câu thơ này Nguyễn Du thiên về miêu tả cảnh hội hơn là lễ. Đặc biệt ông nhấn mạnh không khí náo nức, rộn ràng của lễ hội.

Vì:

+ Sự nô nức và đẹp đẽ, rộn ràng của lễ hội tương hợp với vẻ đẹp trong sáng và tràn đầy sức sống của mùa xuân ở 4 câu thơ đầu.

+ Cảnh ngày xuân được cảm nhận và miêu tả từ cái nhìn của hai chị em Kiều tạo nên sự

trẻ trung trong tâm hồn của hai chị em cũng như tương hợp với ko khí nô nức, rộn ràng của ngày xuân hơn là lễ hội.

- Ở đây Nguyễn Du còn làm sống lại những nét văn hóa xưa qua nghệ thuật miêu tả đám đông. Lễ chỉ là cái cốt còn cái đích thực cuối cùng ở đây là hội. Bởi vậy “tro tiền giấy bay”, “thoi vàng vó rắc” chỉ qua chỉ là nghi thức, tất cả Nguyễn Du dành cho sự náo nhiệt của giai nhân, tài tử của xe ngựa, của áo quần là lướt. Trong không khí đó không rõ gương mặt ai nhưng ai cũng thấy mình ở trong đó.

- Những từ láy dùng trong phép đối hài hoà tạo ra ấn tượng không thể quên về lễ hội nô nức rộn ràng. Đồng thời Nguyễn Du cũng qua đó để miêu tả tâm trạng nô nức, háo hức của chị em Kiều.

d. 6 câu thơ cuối: Tả cảnh chị em Kiều đi chơi xuân trở về: Đây là lúc hội đã tàn, ngày chuyển về chiều nghĩa là cảnh xuân đang dần dần theo bước đi của thời gian.

- Ở 6 câu thơ này Nguyễn Du đã dùng một loạt từ láy mang nghĩa giảm nhẹ:

+ Giảm nhẹ về động tác và về chuyển động : tà tà, thơ thẩn, nao nao.

+ Giảm nhẹ về sự sắc nét của bức tranh phong cảnh làm cho phong cảnh trở nên mơ hồ và thấp thoáng hơn: thanh thanh, nhỏ nhỏ.

Các từ láy này tạo ra sự tương phản với cảnh lễ hội tấp nập, nhộn nhịp ở trước đó. Đồng thời sự tương phản này cũng khắc hoạ tinh tế bước đi của thời gian.

- Nhưng bên cạnh đó là các từ láy với nghĩa giảm nhẹ lại còn mang nghĩa bóng. Nghĩa là chúng không chỉ miêu tả cảnh sắc thiên nhiên theo bước đi của thời gian mà còn nhuộm màu tâm trạng, đó là tâm trạng “thơ thẩn “ của chị em Kiều lúc này, tất cả đều lắng xuống, chơi vơi trong một trạng thái mơ hồ nhưng có thực. Nó là nỗi băn khoăn, man mác nuối tiếc trong một nỗi buồn không gọi tên được. Cách dùng từ như thế này biểu hiện tài hoa và khéo léo của Nguyễn Du khi lấy đà để chuyển ý của câu chuyện sang một cảnh mới với một tâm trạng mới của nhân vật. Cảnh chị em Kiều sẽ gặp nắm mờ Đạm Tiên.

- So sánh cảnh mùa xuân trong 6 câu đầu với 6 câu cuối trong đoạn trích: Có sự khác biệt:

+ 6 câu đầu: Bức tranh thiên nhiên mùa xuân đẹp để khoáng đạt tinh khôi thanh khiết mới mẻ và đầy sức sống + 6 câu cuối: Cảnh chiều tà không còn ồn ào náo nhiệt mà cảnh cứ nhạt dần, lặng dần, tâm trạng buồn lưu luyến băn khoăn khi trở về.

Thời gian khác thì không gian cũng khác. Nếu cảnh trong bốn câu đầu là cảnh buổi sáng lúc lễ hội mới bắt đầu thì ở đây là cảnh chiều tàn hội. Tâm trạng mọi người theo đó cũng khác hẳn. Ngày vui nào rồi cũng qua, cuộc vui nào rồi cũng tàn... Bởi lẽ "Sự vật chảy trôi không ngoái đầu nhìn lại... Sự vật chảy trôi không quyền nào ngăn cản nổi." (R. Tagore)

Kết bài:

Tóm lại cảnh xuân và tâm trạng của con người trong đoạn trích có mối tương quan lẫn nhau.

- Cảnh xuân trong trẻo đầy sức sống tương hợp với nô nức, trẻ trung của những giai nhân, tài tử đi lễ hội mùa xuân

- Sự thay đổi của cảnh vật cũng khiến cho hành động, tâm trạng của con người thay đổi.

Đó chính là nét đặc sắc của thiên tài Nguyễn Du, sự tương hợp đó đã tạo nên vẻ đẹp hài hoà giữa cảnh và người. Tất cả tạo nên một bức tranh trong trẻo, đầy sức sống: Bức tranh mùa xuân.

=> - Đoạn thơ có kết cấu hợp lí, vừa gợi, vừa tả đã làm cảnh vật thiên nhiên được nổi rõ.

- Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của nhà thơ.

- Cái tài và lòng yêu thiên nhiên của Nguyễn Du.

2. Phân tích đoạn trích Cảnh ngày xuân của Nguyễn Du

Nguyễn Du là nhà thơ thiên tài của dân tộc. “Truyện Kiều” là kiệt tác của nền thi ca cổ Việt Nam. Đây cũng là một tác phẩm sáng ngời tinh thần nhân đạo. Trong đó, đoạn trích “Cảnh ngày xuân” là một trong những đoạn thơ hay nhất, đẹp nhất của truyện. Nó tiêu biểu cho sự thành công về bút pháp tả cảnh, tả tình rất tài hoa của nhà thơ. Qua đoạn trích, ta

thất được một niềm vui xôn xao, náo nức lan tỏa, lắng đọng trong lòng bạn đọc khi tác giả đưa ta về với khung cảnh lễ hội văn hóa truyền thống của dân tộc trong lễ tết thanh minh.

Bốn câu thơ đầu mở ra một khung cảnh hữu sắc, hữu hương, hữu tình nên thơ giữa bầu trời bao la, mênh mông, xanh thẳm có những cánh én nhỏ đang chao nghiêng, chao đi chao lại trông như những con thoi trên tấm vải khổng lồ. Trong nhiều tác phẩm thì cánh én luôn báo hiệu mùa xuân đến, mùa xuân ấm áp trở về sau thời gian gió lạnh nhưng trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du thì cánh én chao nghiêng như đưa thoi gợi lên hình ảnh thời gian trôi đi rất nhanh:

*“Ngày xuân con én đưa thoi
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi”*

Dân gian ta có câu: “thời gian thấm thoát thoi đưa như ngựa chạy, như nước chảy qua cầu”. Câu thành ngữ ấy đã nhập vào hồn thơ của Tố Như để tạo ra một cánh én đưa thoi ở ngay chính câu thơ đầu của đoạn trích. Cùng với thời gian đưa thoi là ánh sáng đẹp của mùa xuân, ánh thiều quang đã ngoài sáu mươi ngày. Bằng lời thơ gợi tả cùng biện pháp nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ, so sánh “con én đưa thoi” đã gợi ra sự nuối tiếc của con người vì cái đẹp ấy sắp qua khiến lòng người bàng khuâng, lưu luyến, muốn níu kéo mong cho đất trời mãi còn xuân. Không chỉ riêng Nguyễn Du, mà cả Xuân Diệu cũng đã từng viết:

*“Xuân đang đến là xuân sắp qua
Xuân còn non nghĩa là xuân sắp già”*

Đó chính là quy luật tuần hoàn của thời gian, của vũ trụ. Nhưng trong tiết trời tháng ba ấm áp và trong trẻo ấy có một màu xanh mơn mớn, ngọt ngào của cỏ non, trái dài, trái rộng như một tấm thảm khổng lồ kéo đến tận chân trời. Bức tranh thiên nhiên đẹp đẽ, trong trẻo, tinh khôi tràn đầy sức sống của mùa xuân hiện lên qua bút pháp miêu tả tài tình của nhà thơ:

*“Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”*

Bằng vài nét chấm phá, nghệ thuật miêu tả tài tình, kết hợp với các hình ảnh đặc sắc “cỏ non xanh, lê trắng”, từ ngữ chọn lọc “điểm”... Nguyễn Du đã mở ra trước mắt chúng ta một bức tranh thiên nhiên mùa xuân tươi sáng, đẹp đẽ và sinh động vô cùng. Trong cái nền “cỏ non xanh” có điểm thêm một vài bông hoa lê trắng. Hai chữ “trắng điểm” của Tố Như như là một nét chấm phá đầy sáng tạo và độc đáo, thu hút mắt người đọc, tai người nghe như mở ra trước mắt chúng ta một khung cảnh lễ hội tưng bừng náo nức giữa bầu trời xuân êm đềm, trong trẻo, tràn ngập sắc màu. Màu sắc được phối hợp một cách hài hòa, tự nhiên đã tạo ra một bức tranh thiên nhiên mùa xuân tươi đẹp với nền xanh điểm trắng nhẹ nhàng, tao nhã, tinh khôi, thanh khiết, trong trẻo tràn đầy sức sống với không gian trải dài trải rộng ngút ngát về phía chân trời chứ không phải là bức tranh của thơ ca cổ Trung Hoa đơn điệu một màu:

*“Phương thảo liên thiên bích
Lê chi sở điểm hoa”
Tám câu thơ tiếp theo tả cảnh thấy hội màu xuân:
“Thanh minh trong tiết tháng ba
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh.”*

Nguyễn Du đã đưa chúng ta trở về lễ hội tưng bừng của người dân Việt Nam, lễ hội mang nét đẹp truyền thống của dân tộc. Lễ tảo mộ là lễ của những người còn sống đi quét dọn, thắp hương, sửa sang phần mộ cho những người đã mất để tỏ lòng hiếu kính, biết ơn, nhớ thương của người ở lại với người đã ra đi, của con cháu với tổ tiên. Việc làm đó thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc, đây chính là lễ giáo văn hóa tốt đẹp của nhân dân ta.

Bên cạnh “lễ tảo mộ” là “hội đạp thanh”, là cuộc du xuân, cuộc vui chơi trên đồng cỏ xanh của những trai tài gái sắc, nam thanh nữ tú, “hội đạp thanh” còn là cơ hội gặp gỡ tạo nên sợi tơ hồng để thành duyên đôi lứa mai sau. Vì vậy không khí lễ hội đông vui, nhộn nhịp đến lạ thường:

*“Gần xa nô nức yến anh
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
Đạp diu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước áo quần như nêm”*

Chỉ với bốn câu thơ, tác giả đã gọi ra không khí lễ hội bằng một loạt từ ngữ giàu sắc thái biểu cảm như từ láy “nô nức”, “đạp diu”, “sắm sửa” và từ ghép, từ Hán-Việt “tài tử”, “giai nhân”, “bộ hành”, “ngựa xe”, “gần xa”, “yến anh” kết hợp với các biện pháp nghệ thuật như ẩn dụ, so sánh đã khắc họa thật sinh động, không khí lễ hội rộn ràng, đông vui, tưng bừng, náo nhiệt đang diễn ra ở khắp mọi miền đất nước. Trong dòng người nô nức đó có ba chị em Kiều cũng sắm sửa, hòa nhập vào cái đẹp, cái tưng bừng, rộn rã của tuổi trẻ. Hình ảnh so sánh thật giản dị “Ngựa xe như nước áo quần như nêm”, gọi tả không khí náo nức của lễ hội, từng đoàn người người đi chơi xuân trong bộ áo quần đẹp đẽ, tươi thắm màu sắc, họ như từng đàn chim én, chim oanh ríu rít bay về dự lễ hội mùa xuân. Cảnh chảy hội thật đông vui, náo nhiệt trên khắp nẻo đường “gần xa”, những dòng người cuộn cuộn đi trẩy hội, có biết bao “yến anh” đang nô nức, giục dã, chân nói nhịp bước trong dòng người tấp nập, đông vui, nhộn nhịp trên khắp các làng quê. Điều đó cho thấy những “tài tử giai nhân” đã chuẩn bị hết sức chu đáo mong ngóng ngày hội vui để được hưởng niềm hạnh phúc của tuổi trẻ trong tiết màu xuân đẹp đẽ. Đi trẩy hội đã thể hiện được nếp sống phong lưu của chị em Kiều.

Thơ vốn là nghệ thuật của ngôn từ, các từ ghép “yến anh; chị em; tài tử, giai nhân; ngựa xe; áo quần” chính là những danh từ và “gần xa; nô nức; sắm sửa; đạp diu” là động từ, tính từ được thi hào dân tộc sử dụng chọn lọc, tinh tế đã làm sống lại lễ hội mùa xuân. Trong niềm vui của ngày hội xuân đó, đời sống tâm linh cùng với phong tục, dân gian cổ truyền được Nguyễn Du nói đến với nhiều cảm thông sâu sắc:

*“Ngôn ngang gò đồng kéo lên
Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay”*

Với nhịp thơ 2/4 và 4/4, giọng thơ trầm xuống thoáng hiện ra một nét buồn cho thấy cõi âm và cõi dương, người sống và người chết, hiện tại và quá khứ đồng hiện trên những gò đồng ngôn ngang trong “lễ tảo mộ”, cái tâm thì thánh thiện, niềm tin thì phác thực, dân gian đầy ắp nghĩa tình. Các tài tử giai nhân, chị em Kiều không chỉ cầu nguyện cho riêng mình cầu nguyện cho những vong linh mà còn gửi gắm biết bao niềm tin, ước vọng về một tương lai hạnh phúc.

Sáu câu thơ cuối là đoạn ghi lại cảnh chị em Kiều du xuân trở về:

*“Tà tà bóng ngả về Tây
Chị em thơ thẩn dan tay ra về
Bước dần theo ngọn tiểu khê
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh
Nao nao dòng nước uốn quanh
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang”*

Mặt trời đã “tà tà” xuống núi, ngày hội vui đã qua rất nhanh, chị em Kiều “thơ thẩn dan tay ra về”. Hội đã tan, lòng người buồn lưu luyến. Nhịp thơ chậm rãi, tâm tình đến “thơ thẩn”, cử chỉ thì “dan tay”, nhịp chân thì bước dần, tất cả để lại một nỗi lòng man mác, băng khuâng, lần xem với mọi cảnh vật như tiếc nuối ngày vui mau qua. Bằng nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, cảnh vật hiện lên vẫn đẹp nhưng đã không còn tươi sáng như lúc đầu ngày. Cái tài miêu tả của Nguyễn Du khiến không khí lễ hội lúc tan ảm đạm, buồn bã mà có phần thanh dịu, lặng lẽ, mơ mộng, không gian thu hẹp lại, thời gian trôi chậm hơn, cảnh vật

như nhạt dần, lặng lẽ theo bước chân “thơ thần” trên dặm đường về, phảng phất nỗi tiếc nuối, lưu luyến của lòng người. Mọi chuyển động nhẹ nhàng đều thể hiện qua tâm trạng giai nhân đa sầu đa cảm qua việc sử dụng một loạt các từ láy vừa gợi tả cảnh, vừa gợi tâm trạng băng khuâng, xao xuyến từ dư âm ngày vui xuân đường như đã dự báo, linh cảm về điều sắp xảy ra trong tâm hồn nhạy cảm của Thúy Kiều. Bằng việc sử dụng các từ láy gợi tả: “tà tà, thơ thần, nao nao, nho nhỏ, thanh thanh”, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, bút pháp ước lệ gợi nên sự nhạt nhòa của cảnh vật nhưng lại rất đẹp, rất thân quen với mỗi chúng ta bởi không ai xa lạ với “ngọn tiêu khê, nhịp cầu nho nhỏ” nơi làng quê yên bình bởi đó chính là màu sắc của quê hương trong lòng người. Cảnh chiều đẹp nhưng buồn còn tâm tình của giai nhân thì cứ man mác, băng khuâng, nuối tiếc ngày hội vui đã tàn.

“Cảnh ngày xuân” là một trong những đoạn thơ tả cảnh hay nhất trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du. Đọc đoạn trích, người đọc không chỉ trầm trồ về bức tranh thiên nhiên trong sáng vô ngần mà còn cảm nhận được vẻ đẹp trong một lễ hội truyền thống đầy ý nghĩa của cha ông: tiết Thanh minh. Và qua đây, Nguyễn Du cũng thể hiện nét tài hoa trong việc dựng lên một bức tranh tả cảnh ngụ tình tinh tế,...

3. Bình giảng đoạn trích Cảnh ngày xuân của Nguyễn Du

Trang thơ của Nguyễn Du đang mở rộng trước mắt chúng ta. Có phải không, sau bức chân dung giai nhân là bức họa về cảnh sắc mùa xuân trong tiết Thanh minh và cảnh du xuân của trai tài gái sắc, của chị em Thúy Kiều? Đoạn thơ Cảnh ngày xuân gồm có 18 câu, từ câu 39 đến câu 56 của Truyện Kiều tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật tả cảnh và tả tình của thi hào Nguyễn Du. Một vẻ đẹp thanh xuân, một niềm vui rộn rã, nao nức cứ dâng lên, cứ lan tỏa, rồi lắng đọng mãi trong lòng ta khi đọc đoạn thơ này.

Bốn câu thơ đầu, mở ra một không gian nghệ thuật hữu sắc, hữu hương, hữu tình, nên thơ. Giữa bầu trời bao la mênh mông là những cánh én bay qua hay lại như “đưa thoi”. Cánh én mùa xuân thân mật biết bao. Hai chữ “đưa thoi” rất gợi hình, gợi cảm. Cánh én như con thoi vút qua, vút lại, chao liệng; thời gian đang trôi nhanh, mùa xuân đang trôi nhanh. Câu thành ngữ - tục ngữ: “Thời gian thấm thoắt thoi đưa, như ngựa chạy, như nước chảy qua cầu” đã nhập vào hồn thơ Tố Như tự bao giờ? Sau cánh én “đưa thoi” là ánh xuân, là “thiều quang” của mùa xuân khi “chín chục đã ngoài sáu mươi”. Cách tính thời gian và miêu tả vẻ đẹp mùa xuân của các thi sĩ xưa nay thật là hay và ý vị. Nào là “xuân hương lão” (Ức Trai), nào cảnh mưa bụi, tiếng chim kêu trong Đường thi. Nào là cánh bướm rớt rít bay trong thơ Trần Nhân Tông. Còn là “xuân hồng” (Xuân Diệu), “mùa xuân chín” (Hàn Mặc Tử), v.v... Với Nguyễn Du là mùa xuân đã bước sang tháng ba, “Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi”. Hai chữ “thiều quang” gợi lên cái màu hồng của ánh xuân, cái ấm áp của khí xuân, cái mênh mông bao la của đất trời “Xuân xanh, xuân thủy tiếp xuân thiên” (Nguyên tiêu - Hồ Chí Minh). Còn là sắc “xanh” mơn mớn, ngời ngào của cỏ non trải dài, trải rộng như tấm thảm “tận chân trời”. Là sắc “trắng” tinh khôi, thanh khiết của hoa lê nở lác đác, chỉ mới hé lộ, khoe sắc khoe hương “một vài bông hoa”: “Cỏ non xanh tận chân trời, Cành lê trắng điểm một vài bông hoa. Vẫn cỏ thi Trung Hoa được Tố Như vận dụng một cách sáng tạo: “Phương thảo liên thiên bích - Lê chi sổ điểm hoa”. Hai chữ “trắng điểm” là nhãn tự, cách chấm phá điểm xuyết của thi pháp cổ gợi lên vẻ đẹp thanh xuân trinh trắng của thiên nhiên cỏ hoa; bút pháp nghệ thuật phối sắc tài tình: trên cái nền xanh của cỏ non là một vài bông lê “trắng điểm”. Giữa diện và điểm, giữa nền xanh và sắc trắng của cảnh vật mùa xuân là những cánh én “đưa thoi”, là màu hồng của ánh thiều quang, là “Khát vọng mùa xuân” ngây ngất, say đắm lòng người: Nhìn hoa đang hé tung búp, Khao khát mùa xuân yên vui lại đến. (Ca khúc khát vọng mùa xuân - Mô-da)

Cảnh mùa xuân là bức tranh xuân hoa lệ, là vần thơ tuyệt bút của Nguyễn Du để lại cho đời, điểm tô cho cuộc sống mỗi chúng ta. Phải chăng, thi sĩ Chế Lan Viên đã học tập Tố

Như để viết nên vãn thơ xuân đẹp này:Tháng giêng hai xanh mướt cỏ đồi,Tháng giêng hai vút trời bay cánh én... (Ý nghĩa mùa xuân) Tám câu thơ tiếp theo tả cảnh trẩy hội mùa xuân: "Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh" trong tiết tháng ba. Điệp ngữ: "Lễ là... hội là..." gọi lên những cảnh lễ hội dân gian cứ liên tiếp diễn ra đã bao đời nay: "Tháng giêng là tháng ăn chơi - Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè"... (Ca dao). Cảnh trẩy hội đông vui, tưng bừng, náo nhiệt. Trên các nẻo đường "gần xa" những dòng người cuộn cuộn trẩy hội. Có biết bao "yến anh" trẩy hội trong niềm vui "nô nức", hồ hởi, giục giã. Có biết bao tài tử, giai nhân "dập dìu" vai sánh vai, chân nối chân nhịp bước. Dòng người trẩy hội tấp nập ngựa xe cuộn cuộn "như nước", áo quần đẹp đẽ, tươi thắm sắc màu, nghìn nghịt, đông vui trên các nẻo đường "như nêm". Các từ ngữ: "nô nức", "dập dìu", các ẩn dụ so sánh (như nước, như nêm) đã gọi tả lễ hội mùa xuân tưng bừng náo nhiệt đang diễn ra khắp mọi miền quê đất nước. Trẻ trung và xinh đẹp, sang trọng và phong lưu: Dập dìu tài tử giai nhân, Ngựa xe như nước, áo quần như nêm. Trong đám tài tử, giai nhân "gần xa" ấy, có 3 chị em Kiều. Câu thơ "Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân" mới đọc qua tưởng như chỉ là một thông báo. Nhưng sâu xa hơn, nó ẩn chứa bao nỗi niềm: chờ trông mong đợi, ngày lễ tảo mộ, ngày hội đạp thanh đến để du xuân trong những bộ quần áo đẹp đã chuẩn bị, đã "sắm sửa"... Có biết bao "bóng hồng" xuất hiện trong đám tài tử, giai nhân ấy? Ai đã từng đi hội chùa Hương, hội Lim, hội Yên Tử mới cảm thấy cái đẹp, cái vui, cái tưng bừng, tươi trẻ trong hội đạp thanh mà Nguyễn Du đã nói đến. Thơ là nghệ thuật của ngôn từ. Các từ ghép: "yến/anh", "chị/em", "tài / tử", "giai / nhân", "ngựa / xe", "áo / quần" (danh từ); "gần xa" , "nô / nức", "sắm / sửa", "dập / dìu" (tính từ, động từ) được thi hào sử dụng chọn lọc tinh tế, làm sống lại cái không khí lễ hội mùa xuân, một nét đẹp của nền văn hóa lâu đời của phương Đông, của Trung Hoa, của Việt Nam chúng ta, và nếp sống "phong lưu" của chị em Kiều. Ngõng ngang / gò đồng kéo lên, Thoi vàng vó rắc/tro tiền giấy bay. Đời sống tâm linh, phong tục dân gian cổ truyền trong lễ tảo mộ được Nguyễn Du nói đến với nhiều cảm thông, san sẻ. Cõi âm và cõi dương, người đang sống và kẻ đã chết, hiện tại và quá khứ đồng hiện trên những gò đồng "ngõng ngang" trong lễ tảo mộ. Cái tâm thánh thiện, niềm tin phác thực dân gian đầy ấp nghĩa tình. Các tài tử, giai nhân, và 3 chị em Kiều không chỉ nguyện cầu cho những vong linh mà còn gửi gắm bao niềm tin, bao ao ước về tương lai hạnh phúc cho tuổi xuân khi mùa xuân về. Có thể sau hai trăm năm, ý nghĩ của mỗi chúng ta có ít nhiều đổi thay trước cảnh "Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay", nhưng giá trị nhân bản của vãn thơ Nguyễn Du vẫn làm ta xúc động! Sáu câu thơ cuối đoạn ghi lại cảnh chị em Kiều đi tảo mộ đang dần bước trở về nhà. Mặt trời đã "tà tà" gác núi. Ngày hội, ngày vui đã trôi qua nhanh: Tà tà, bóng ngả về tây, Chị em thơ thẩn dan tay ra về. Hội tan sao chẳng buồn? Ngày tàn sao chẳng buồn? Nhịp thơ chậm rãi. Nhịp sống như ngừng trôi. Tâm tình thì "thơ thẩn", cử chỉ thì "dan tay", nhịp chân thì "bước dần". Một cái nhìn man mác, băng khuâng: "lần xem"... đối với mọi cảnh vật. Tất cả đều nhỏ bé. Khe suối chỉ là "ngọn tiểu Khê". Phong cảnh "thanh thanh". Dòng nước thì "nao nao" uốn quanh. Dịp cầu thì "nho nhỏ" bắc ngang ở cuối ghềnh. Cả một không gian êm đềm, vắng lặng. Tâm tình của chị em Kiều như dịu lại trong bóng tà dương. Như đang đợi chờ một cái gì sẽ đến, sẽ nhìn thấy? Cặp mắt cứ "lần xem" gần xa: Bước dần theo ngọn tiểu Khê, Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh. Các từ láy tượng hình: "thanh thanh", "nao nao", "nho nhỏ" gọi lên sự nhạt nhòa của cảnh vật và sự rung động của tâm hồn giai nhân khi hội tan, ngày tàn. Nỗi niềm man mác băng khuâng thấm sâu, lan tỏa trong tâm hồn của giai nhân đa tình, đa cảm. Cảnh vật và thời gian được miêu tả bằng bút pháp ước lệ tượng trưng nhưng rất sống động, gần gũi, thân quen đối với bất cứ người Việt Nam nào. Không còn xa lạ nữa, vì ngọn tiểu Khê ấy, dịp cầu nho nhỏ ấy là màu sắc đồng quê, là cảnh quê hương đất nước mình. Tính dân tộc là một nét đẹp đậm đà trong thơ Nguyễn Du, nhất là những vãn thơ tả cảnh ngụ tình tuyệt tác. Thi sĩ Xuân Diệu từng viết: "Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi". Trong Thương nhớ mười hai Vũ Bằng không nén nổi cảm xúc của mình mà phải thốt lên: "Mùa xuân của tôi... Cái mùa xuân thần

thánh của tôi... Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến". Và chúngta muốn nói thêm: Đẹp quá đi mùa xuân của đất nước thân yêu! Vui quá đi, trẻ đẹp quá đi cảnh mùa xuân, cảnh trẩy hội xuân trong Truyện Kiều. Mùa xuân đem đến cho ta bao ước vọng, sắc xuân, tình xuân như nở hoa, ướp hương trong lòng ta. Hỡi những nàng Kiều gần xa có nghe thấy tiếng nhạc vàng của chàng Kim Trọng trong ngày xuân đẹp từ xa đang vọng tới ?

Đoạn trích Cảnh ngày xuân có bố cục cân đối, hợp lí. Mặc dù không thật rõ ràng nhưng cũng có thể nói đến kết cấu ba phần: mở đầu, diễn biến và kết thúc. Nguyễn Du đã cho thấy một nghệ thuật miêu tả thiên nhiên điêu luyện, sắc sảo. Trong đoạn trích, mặc dù chủ yếu là miêu tả cảnh ngày xuân nhưng vẫn thấy sự kết hợp với biểu cảm và tự sự (diễn biến cuộc tảo mộ, du xuân của chị em Thúy Kiều, dự báo sự việc sắp xảy ra).

"Cảnh ngày xuân" là một trong những đoạn thơ tả cảnh hay nhất trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du. Đọc đoạn trích, người đọc không chỉ trầm trồ về bức tranh thiên nhiên trong sáng vô ngần mà còn cảm nhận được vẻ đẹp trong một lễ hội truyền thống đầy ý nghĩa của cha ông: tiết Thanh minh. Và qua đây, Nguyễn Du cũng thể hiện nét tài hoa trong việc dựng lên một bức tranh tả cảnh ngụ tình tinh tế,... Với những điều đó, "Cảnh ngày xuân" sẽ luôn sống lại trong lòng người yêu thơ vào mỗi dịp đầu năm khi chúa xuân về với đất trời.